

## MỘT SỐ DI SẢN TIÊU BIỂU TRÊN ĐẤT HÀM RỒNG XƯA

NGUYỄN BÍCH THỤC\*

**T**heo quan niệm ngày nay, Hàm Rồng chỉ nhỏ bé với cây cầu cùng tên, làng cổ Đông Sơn ven sông Mã, một số thắng tích xung quanh, và hình như con người nhớ nhiều đến Hàm Rồng bởi chiến công oai hùng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Nhưng lịch sử cha ông để lại cho thấy không gian Hàm Rồng xưa rộng lớn hơn nhiều, một không gian linh thiêng, còn hiện tồn nhiều di sản văn hoá quý hiếm, các giá trị văn hoá “khoác” trong mình những nấc thang đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật, hầu như những tinh hoa văn hóa xứ Thanh đều có mặt tại đây. Hàm Rồng được xem là vùng đất trọng yếu của tỉnh Thanh. Không gian Hàm Rồng xứng đáng là một đại diện “tiêu biểu” của dòng chảy sông Mã. Nếu xác định đúng giá trị, quy hoạch đúng tầm và có tâm với di sản sẽ đem lại những giá trị to lớn về văn hoá - chính trị - kinh tế cho xứ này.

### 1- Từ truyền thuyết đến tên gọi Hàm Rồng

Hàm Rồng theo người xưa kể lại, nó là vùng đất giống như hình rồng đang vờn hạt ngọc, bị tách ra như bây giờ mới chỉ cách ngày nay trên dưới 300 năm, khi sông Mã đổi dòng và chảy xiết, khoét sâu vào giữa núi

Rồng và núi Ngọc. Hơn nữa là cửa biển Lạch Trường không còn vai trò quan trọng, dòng chảy Tào Xuyên mất dần vị thế con đường giao thông quan trọng số một của sông Mã, con đường giao thông ấy chuyển dần về dòng chính nơi điểm cuối đổ ra cửa Lạch Hới, Sầm Sơn.

Cặp “tình nhân” Hàm Rồng - Sông Mã có rất nhiều sự tích, huyền thoại đã nhắc đến. Nhân dân trong vùng vẫn lưu truyền với nhau, từ thừa hồng hoang suốt dọc sông Mã chỉ có cỏ cây và hoa lá ngút ngàn, muông thú đông vui, nhưng chỉ có cặp vợ chồng nhà ông Vồm với hình dáng cao to khác thường sống ở khu vực này. Nhưng rồi, một năm hạn hán đã làm thiếu nước, mà trời thì ngũ quên không làm mưa xuống. Vợ chồng ông Vồm bàn nhau chặt cây trong rừng làm chín chín cái thang, mỗi cái lại có chín chín bậc để lên trời xin mưa. Quá trình lên trời rất khó khăn vất vả, phải trải qua nhiều cuộc chiến với các tướng lĩnh nhà trời... nhưng cuối cùng tình yêu và sự đoàn kết đã giúp vợ chồng ông chiến thắng, Trời đã làm mưa để thoả lòng vạn vật nơi trần thế. Xác của các tướng nhà trời rơi xuống đều hoá thành núi: núi Bằng Trinh (chỗ rơi của tướng Đại Bằng), núi Ngũ Phụng (núi Rừng Thông, là chỗ rơi của năm tướng Phụng), tướng Rồng Lửa đã bị chặt chín chín khúc, hoá thành chín chín quả

\* Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Thanh Hóa

núi, khi rơi xuống vì có nhòai ra biển đầu rồng quay về hướng Đông, khi bị đánh vào đầu, vào cổ, viên ngọc tướng Rồng ngậm trong miệng đã văng ra xa, biến thành núi Ngọc, hay còn gọi là núi Hoà Châu, Phong Nhi. Thần Long Mã là bạn tình của Rồng Lửa, khi thấy Rồng Lửa đã hoá thành dãy núi Rồng, thì quyến luyến không dứt, đành ở lại tạo thành dòng sông Mã ngày đêm uốn lượn và rỉ rả tâm tình cùng núi Rồng cho đến ngày nay. Dân gian vẫn truyền nhau câu ca dao tình Thanh thảng địa là đây/Rồng vờn hạt ngọc, Hạc bay chân thành, phải chăng vì thế mà có tên là Hàm Rồng?

Một sự tích khác lại kể rằng, núi Rồng chính là những đứa con của ông Trăng, bà Trời. Họ lấy nhau và sinh được 100 người con, nhưng chỉ có chín chín đứa con ngoan (tương ứng với chín chín ngọn núi phía Đông Hàm Rồng), còn đứa út không nghe lời cha mẹ, khi đi chơi đã quá mãi mê và lạc bên kia sông không về (tương ứng với 1 ngọn núi phía Đông). Người dân vẫn truyền miệng một câu ca rằng: Chín chín ngọn núi bên Đông/Còn ngọn núi Nít sang sông chưa về/Chín chín ngọn núi đề huề/Còn ngọn núi Nít chưa về bên Đông. Đó là vài truyền thuyết, huyền thoại về sự hình thành của núi Rồng, sông Mã và tên gọi Hàm Rồng. Tuy nhiên, các tên gọi này ra đời từ bao giờ thì chưa có cơ sở khoa học nào chứng minh? Chỉ biết rằng dòng sông, các ngọn núi và tên địa danh Hàm Rồng đã được nhân dân xứ Thanh thiêng hoá mà đặt cho nó những tên gọi đầy chất nhân văn với tình yêu của con người.

## 2- Những di sản tiêu biểu còn hiện tồn trên đất Hàm Rồng xưa

Không gian văn hoá Hàm Rồng gồm toàn bộ cảnh quan núi Rồng (Long Hạm), hay còn gọi là dãy Đông Sơn chạy từ làng Dương Xá (Thiệu Khánh, Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa) đến gần làng Nam Ngạn (theo hướng Tây - Đông), chiều Bắc - Nam từ xã Hoàng Long, Hoàng Quang, Hoàng Lộc (bên kia cầu Hàm Rồng) kéo dài đến tận núi Nhồi (xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn).

Chúng tôi tạm đưa ra hướng tiếp cận không gian văn hoá Hàm Rồng theo bốn

không gian hợp từ bốn hướng Đông - Tây - Nam - Bắc, trong đó lấy làng cổ Đông Sơn làm hạt nhân: Không gian 1: vùng đất cổ Tư phố (Thiệu Khánh, Thiệu Dương, huyện Thiệu Hoá, ở phía Tây); Không gian 2: làng nghề đá An Hoạch và thặng tích núi Nhồi (Đông Hưng, ở phía Nam); Không gian 3: phố cổ Lò Chum, Bến Ngự (Tp. Thanh Hoá, ở phía Đông); Không gian 4: Làng cổ Đông Sơn và không gian cầu Hàm Rồng, lỵ sở Hạc Thành (Tp. Thanh Hoá, ở phía Bắc).

### 2.1- Vùng đất cổ Tư Phố

Đất cổ Tư Phố nằm dọc triền sông Chu và sông Mã, vị trí hai con sông nhập dòng ở ngã Ba Đầu với làng Giàng cổ ven sông. Nơi đây có thành Tư Phố, trung tâm và lỵ sở của quận Cửu Chân, tồn tại 502 năm. Theo sách *Thủy Kinh Chú*, một bộ sách ghi chép về địa lý trong thư tịch cổ Trung Quốc cho rằng thành Tư Phố xuất hiện từ năm 116 TCN, theo các tài liệu sử học (sách *Đô thị cổ Việt Nam*, Nxb. VHTT, 2000) thì thành cổ Tư Phố thuộc vùng Dương Xá, ngày nay vẫn còn địa danh Trấn Tây Thành, Trại Trung Đò. Tại đây các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rất nhiều hiện vật như vũ khí bằng đồng, đồ gốm thời Hán, tiền Ngũ thù..., đặc biệt nhiều ngôi mộ thời Tây Hán.

Ngay từ thuở hồng hoang, vùng đất này đã xuất hiện nhiều huyền thoại mang đậm dấu ấn Đạo giáo: một Bàn chân tiên, một Cồn chân tiên, giếng Sao Sao, hòn Mốc, đá Chông, đá Mái, đá ăn mây, đá Tiến sĩ... Vẫn còn lưu truyền về một vị thành hoàng làng được sắc phong là Thái giám Mã Quốc công, câu chuyện về ông gắn liền với huyền thoại con ngựa ngọc, ở đây vẫn còn dấu vết đỉnh Yên Ngựa (truyền rằng hằng đêm người dân thấy con ngựa ngọc hiện ra với đầy đủ yên cương, lục lạc leng keng, sáng bừng đêm tối, đứng đỉnh di trên đỉnh núi từ đầu này sang cuối đầu kia thì biến mất). Hội lại cho thấy trung tâm Tư Phố thời bấy giờ đã rất phồn thịnh.

Mặc dù ngày nay thành Tư Phố chỉ còn lại trong sử sách, nhưng sự tích lịch sử bi tráng và những giai thoại về một thành lỵ kiên cường bất khuất trước thế lực ngoại bang,

sự anh dũng của người dân vùng đất Cửu Chân chống lại quân thù phương Bắc. Sách *Thủy Kinh Chú* có đoạn viết: "vào tháng 11 năm 43 Mã Viện cùng 2000 chiếc thuyền theo đường thủy tiến đánh Cửu Chân..., khi tướng giặc không hàng, tất cả đều bị chém, có đến mấy trăm người". Tại đây còn có núi Đọ, núi Quan Yên nơi các nhà khoa học phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ đồ đá cũ nổi tiếng thế giới có niên đại cách ngày nay 30 vạn năm. Ở làng Giàng, dưới có đền thờ Dương Đình Nghệ, một nhân vật lịch sử dân tộc nổi tiếng vào thế kỷ IX, tuy ông không xưng Vương nhưng tư tưởng và tinh thần của ông ảnh hưởng sâu sắc đến Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn sau này.

Sử sách ghi nhận nhiều đến vùng đất cổ Tư Phố còn có một lý do bởi vùng đất này được thiên nhiên ban tặng nhiều cảnh đẹp, làm say đắm bao mặc khách, tao nhân. Sách *Đại Nam nhất thống chí* có ghi lại 10 cảnh đẹp:

- Khánh Bằng Liệt Chương: núi Bằng Trinh (nay thuộc xã Thiệu Hợp) giăng hàng, song song với núi Bàn A, tạo nên cảnh thiên nhiên hùng vĩ.

- Lương Mã song phàm: nơi gặp nhau của hai con sông (sông Mã từ ngã Ba Bông chảy xuống, sông Chu từ đất Thọ Xuân đổ về) gặp và hòa vào nhau tại ngã Ba Đầu để cùng đổ ra nhánh Hàm Rồng, nơi đây thuận về giao thông thủy và thuyền bè qua lại tấp nập.

- Thạch Tượng đục hà: Voi đá tắm sông, voi ở đây tức là núi Voi ở xé về phía xã Thiệu Giao, đứng phía núi Vồm mà nhìn thấy giống hình con voi khổng lồ đang muốn lao xuống sông tắm mát.

- Linh Quy hí thủy: Rùa thiêng vờn nước chính là hình thù của núi Đọ, di tích thời đại đá cũ, nay thuộc địa phận hai xã Thiệu Khánh và Thiệu Tân.

- Cổ độ kỳ đình: nhà treo cờ Cổ Độ (Cổ Độ nghĩa là bến đò xưa). Ở ngã Ba Đầu trước đây các triều đình quân chủ có trạm dịch, những ngày khánh tiết có tổ chức lễ lạt, treo cờ.

- Viễn sầm yên thụ: cây mờ ở non xa. Đứng trên đỉnh núi Bàn A trông ra bốn phía

thấy nhiều núi bao quanh, cây cối um tùm. Nhưng có lẽ ở đây muốn chỉ nhiều về hướng Đông Nam, nhìn thẳng phía Đông thấy có dãy núi Đông Sơn, nhấp nhô bát ngát với chín chín ngọn. Nhìn về phía Nam thì đó là một dãy núi đồ sộ.

- Cô thôn Mao Xá: nhà tranh ở thôn vắng, thôn vắng ở đây chỉ các làng lùi vào trong, dưới chân núi Vồm, nhưng cũng có người cho rằng đó chỉ đích danh làng Gia Đầu ở chính ngã ba sông. Làng này xưa kia dân cư thưa thớt, lại nằm ở ven sông, cảnh nhà chông chênh thường rất gợi cảm.

- Cách ngoạn thiên lâm: rừng thiêng ở cách sông, thiên ở đây là chỉ ngôi chùa Thái Bình (Thiệu Hợp) dưới chân núi Bằng Trinh, chùa Trinh Sâm đã từng đến đây làm thơ ca ngợi.

- Sơn hạ ngư ky: ghềnh cho thuyền chài đỗ ở chân núi.

- Giang trung mục phối: bãi tắm trâu ở trong sông. Từ xã Thiệu Tân, theo sông về Thiệu Khánh có rất nhiều doi cát nổi giữa dòng sông, trâu bò có thể lùa tắm và các mục đồng đùa nghịch.

Không gian của một vùng sơn thủy hữu tình tại ngã Ba Đầu hòa quyện trong những huyền tích lịch sử bi tráng, những nhân vật anh hùng về thành Tư Phố mà dấu vết vẫn còn đến ngày nay đã trở thành biểu tượng văn hóa hết sức ấn tượng.

## 2.2- Làng cổ Đông Sơn

Trong không gian văn hoá Hàm Rồng, thì làng cổ Đông Sơn được xem là khu vực hạt nhân, các ngọn núi của dãy Đông Sơn uốn lượn, quần tụ tại Hàm Rồng như cánh cung lớn ôm lấy làng cổ Đông Sơn. Nằm bên bờ sông Mã, phía Đông Bắc tựa lưng vào núi Rồng, phía Tây Nam là dải đất bằng phẳng thuận lợi cho trồng trọt, ba mặt Tây - Bắc - Nam của làng là những núi đá nhỏ lẫn trong đồi thấp xen kẽ và có nhiều hình dáng kỳ thú. Dân gian truyền tụng rằng, làng cổ Đông Sơn nằm vào thế đất có chín chín ngọn núi hình con Phượng Hoàng.

Năm 1924, ông Nguyễn Văn Lắm (ông Kiến Đại) ở xóm Nghĩa (tức làng Đông Sơn cổ) trong những lần đi câu dọc sông Mã đã bắt gặp một số đồ gốm như bộ ấm chén,

trồng đồng phát lộ ven bờ sông Mã. Tiếp đó là cuộc khai quật của viên thuế quan người Pháp yêu khảo cổ tên là L.Paljet. Năm 1935, Olov.R.T.Janse, nhà khảo cổ người Thụy Điển đã tiến hành khai quật và đã định danh cho nền văn hóa Đông Sơn. Tên làng Đông Sơn đã trở thành tên cả một nền văn hoá rực rỡ thuộc thời đại kim khí cách đây 2.000-3.000 năm. Danh từ "Văn hoá Đông Sơn" đầu tiên là do học giả R.Heine Geldern đề xuất vào năm 1934. Những hiện vật khảo cổ học tại làng cổ Đông Sơn như một đối tượng tác động và khuyến khích giới khoa học nghiên cứu hoàn chỉnh hơn về thời đại đồ đồng ở Việt Nam. Và có thể đưa ra những luận điểm khoa học mới, chứng minh cho việc đã có một nền kinh tế nông nghiệp phát triển và một tổ chức nhà nước sơ khai ở thời đại các vua Hùng.

Ở làng cổ Đông Sơn hiện còn nhiều công trình kiến trúc đền, chùa có giá trị lịch sử - văn hoá như đền thờ Trần Khát Chân, hiệu là chàng út Đại Vương (Lê Hữu, con trai út của Lê Ngọc) người có công trong việc cầm quân đánh giặc phương Nam; phủ thờ Liễu Hạnh công chúa; Bồ Đề tự (chùa Làng); miếu Nhị, đình Trung. Một hệ thống bia ký đa dạng về loại hình: Bia Tượng Sơn (núi con Voi) đây là loại bia ma nhai (khắc trên vách núi niên hiệu Thiệu Phong thứ 13 (1353), đời vua Trần Dụ Tông; bia Thành sự bi ký cạnh đền Thánh Cả, niên hiệu Cảnh Thịnh (1795) thời Tây Sơn; bia Văn Thánh (văn miếu tỉnh Thanh Hoá) thời Tự Đức (1848 - 1883); rất nhiều bia đã mất, hiện chỉ còn các thác bản ở Viện Hán Nôm Việt Nam: Đệ Nhị miếu công đức bi dựng năm Thành Thái thứ 5 (1893); Văn Thánh Miếu chung đức năm Minh Mạng thứ 6 (1825); Hậu Phật bi ký, Cung tiền bi ký dựng năm Thiệu Trị thứ 5 (1845); Hậu Phật bi ký, Thạch bi ký dựng năm Tự Đức 30 (1877), Văn hội bi ký dựng năm Thành Thái thứ 3 (1891)...

Tại phía Nam cầu Hàm Rồng có một ngọn núi cao lên đột ngột rồi chúc xuống sông, cảnh tượng ấy như đầu Rồng đang cố ngoài xuống nước. Hàm Rồng - một vùng non nước kỳ thú vẫn in đậm trong bút tích của

các bậc anh hào, kẻ sĩ đã từng qua đây như: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Ngô Thì Sĩ, Phan Huy Ích...

2.3- Làng cổ Nam Ngạn, phố cổ Lò Chum, Bến Ngự

Làng Nam Ngạn nằm ở hướng Đông, là một làng cổ ven bờ hữu sông Mã, cách cầu Hàm Rồng chừng 2km. Nơi đây có Lò Chum gắn liền với Bến Ngự, một âu thuyền làm bến cho các vua Nguyễn mỗi lần về thăm cổ hương. Với nhà Nghinh Phong có bốn mái, lợp ngói lưu ly, thềm điện 9 bậc, làm nơi vua chuyển từ thuyền rồng lên kiệu vàng vào Thành. Bến Ngự nằm trên khu vực gần cầu Cốc thuộc con sông đào nhà Nguyễn (thời Minh Mạng). Sau khi vua Gia Long quyết định dời lý sở từ làng Dương Xá về Thọ Hạc vào tháng 4 năm 1802, lấy tên là Hạc Thành gọi mở ký ức về một vùng "đất lành chim đậu", việc đào sông Bến Ngự sẽ thuận lợi cho việc vận chuyển vật liệu về xây dựng Hạc Thành.

Các di tích ở làng cổ Nam Ngạn còn lưu lại với mật độ dày đặc: đền thờ Chu Nguyên Lương (Chu Đại Lương vương tôn thần) có công đánh giặc Nguyễn Mông đời Trần; chùa Mật Đa, chùa Hưng Quang, hai ngôi chùa mang đậm dấu ấn "tam giáo đồng tôn",... Nhiều bia ký như: Thạch bi ký, dựng năm Hoàng triều Tự Đức thứ 5 (1852); Hậu bi ký: dựng năm Tự Đức thứ 21 (1868) tại điểm canh làng Nam Ngạn; Nam Ngạn bi ký: dựng năm Thành Thái thứ 5 (1893) tại chùa Nam Ngạn; Trùng Tu bi ký: dựng năm Bảo Đại thứ 3 (1928) tại chùa Mật Đa; Thanh Hoá bi ký: dựng năm Bảo Đại thứ 11 (1941) ở Tường Phủ Mật Sơn; Thiên Minh tự bi ký: không rõ năm dựng - bên trái chùa Mật Đa; Mật Đa thiên tự bi ký: dựng năm Bảo Thái thứ 4 (1723) đời vua Lê Dụ Tông, dựng ở chùa Mật Đa; Nam mô A di đà: dựng năm Long Đức thứ 1 (1723) tại chùa Nam Ngạn; Đa Mật tự chung: dựng năm Minh Mệnh thứ 1 (1820), Bia chuông chùa Hưng Quang, dựng năm Tự Đức thứ 10 (1859); Hưng Quang tự bi: dựng năm Thành Thái thứ 3 (1891) tại chùa Hưng Quang; Mật Đa bi ký: dựng năm

Thành Thái thứ 16 (1904); Ký kỵ bi ký: tại chùa Hương Quang (không rõ năm dựng)

Phố cổ Lò Chum gắn liền với một nghề truyền thống nổi tiếng - nghề gốm. Theo tài liệu lịch sử và gia phả các dòng họ, nghề làm gốm ở đây không phải gốc người dân địa phương, mà gốc ở tận Thổ Hà (Bắc Giang) di vào Thanh Hoá khoảng thời Gia Long hoặc Minh Mạng. Thời kỳ nghề gốm ra đời thì bến Ngự cũng xuất hiện, dưới con mắt nghề nghiệp, các người thợ đã phát hiện bến Ngự có một vị trí quan trọng (gần thị, gần sông, đầu mối giao thương thời bấy giờ). Mặt hàng gốm phát triển mạnh mẽ, chủ yếu là chum, vại, đồ gốm mỹ nghệ... Tuy nghề gốm không còn thịnh hành như xưa, do yếu tố thị trường cạnh tranh bởi tính tiện dụng, nhưng phố Lò Chum, bến Ngự vẫn còn đọng lại những dấu vết văn hoá về nghề cổ truyền qua các cửa hàng gốm xứ đang bày bán sầm uất ở khu vực này.

Trong thời hiện tại, người dân Nam Ngạn luôn tự hào mình là chủ nhân bảo vệ huyết mạch giao thông Bắc - Nam (cầu Hàm Rồng) trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ ác liệt. Cây cầu sừng sững và những người con vùng đất này như Ngô Thị Tuyên, Nguyễn Thị Hằng là một minh chứng quan trọng của lịch sử.

#### 2.4- Làng đá An Hoạch và khu thắng tích núi Nhồi

Làng An Hoạch (còn gọi là Nhuệ thôn, làng Nhồi, thuộc xã Đông Hưng, Đông Tân, huyện Đông Sơn) cách thành phố Thanh Hoá 3km về phía Tây Nam, đây là một trong những làng cổ xưa nhất của huyện Đông Sơn và tỉnh Thanh Hoá. Cách làng không xa là núi Áp, một di chỉ khảo cổ thuộc thời kỳ văn hoá Đông Sơn, phía Đông giáp núi Mật, phía Đông Nam giáp núi Long và phía Bắc giáp núi Chồng Mâm, tạo ra cảnh quan "voi châu, hổ phục". Trên đỉnh núi có hình tượng hòn Vọng Phu, gợi chuyện u sầu, ly tán vì chinh chiến, nhưng tình yêu, tình nghĩa vợ chồng lại gợi lên nhiều giá trị nhân văn.

Làng Nhồi xưa là một nơi chế tác đồ đá mỹ nghệ có từ thời đầu công nguyên, và phát triển rực rỡ từ thế kỷ XV - XIX. Ngay trong khu vực, hiện còn rất nhiều di sản tiêu biểu,

Nguyễn Bích Thục: Một số di sản tiêu biểu...

nói lên bàn tay khéo léo, kỹ năng trong chế tác đá đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật chạm khắc, có thể đại diện cho một phong cách tả thực của mỹ thuật Việt Nam ở thế kỷ XIX. Đó là hệ thống bia ký, tượng châu, tượng các con vật, có thể ví làng Nhồi (An Hoạch) như một bảo tàng đá với chùa Báo Lai, chùa Đại Bi, chùa Tiên Sơn, Quan Lão, đền Thượng, lăng Quận Mãn, đền thờ nhà Hậu Lê...

Đá núi Nhồi được xem là loại đá quý hiếm, rất được các quan lại triều đình xưa sử dụng, do độ cứng, tiếng vang và các vân thớ đẹp. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Núi An Hoạch (hay núi Khê, lại có tên là Nhuệ sơn) ở các huyện Đông Sơn bốn dặm về phía Tây Nam, sắc đá trắng mịn, tiếng đá vang trong, có thể dùng làm khí dụng như chuông, khánh, bia, kệ"... "Núi An Hoạch sản xuất thứ đá tốt, Phạm Ninh là Thái thú Dự Chương nhà Tấn, thường sai người lấy đá làm khánh, tức là núi đá này. Chân núi nổi lên ngọn nhỏ, nhọn hoắt đứng một mình, bên cạnh có đền thờ Cao Sơn, lại có chùa"<sup>2</sup>. Ngôi chùa Báo Ân ở dưới chân núi, được xây dựng từ thời Lý (do Lý Thường Kiệt thực hiện), ông đã khai thác đá núi Nhồi để xây chùa. Hiện nay, văn bia chùa Báo Ân cũng cho biết về loại đá quý hiếm này. Thợ đá làng Nhồi cũng đóng góp không ít công sức trong quá trình xây dựng kinh đô Huế và các đền chùa, miếu mạo, lăng tẩm ở khu vực này.

Với diện tích trên 8000ha, với nhiều di sản văn hoá quý hiếm, vẻ đẹp tự nhiên làm đắm say lòng người, không gian văn hoá Hàm Rồng đang trở thành một khu vực quan trọng trong chiến lược bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của xứ Thanh. Nếu được quan tâm quy hoạch và đầu tư tương xứng, Hàm Rồng sẽ mang lại nhiều giá trị kinh tế - văn hoá và du lịch cho nước ta trong tương lai./.

N.B.T

#### Chú thích:

- 1- Lựa chọn thông tin từ mục "Văn bia" cuốn *Địa chí Thành phố Thanh Hoá* từ tr. 477 - 552.
- 2- Quốc sử quán triều Nguyễn (1970), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 223 - 224.